

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2017

V/v “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Huy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Phạm Ngọc Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Khắc Nghiệp – Kiểm sát viên.

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Ngọc N**– sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim L** – sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên vào năm 2014. Sau khi kết hôn anh và chị L đi vào sinh sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, anh và chị L không có phát sinh mâu thuẫn gì hết nhưng chị L có quan hệ bất chính với nhiều người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần bắt gặp, đã nhiều lần tha thứ và hoà giải nhưng chị L vẫn tính nết bất nết. Chị L vẫn tiếp tục có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và bị hai chị gái họ của L bắt gặp tại phòng trọ. Anh biết việc đó và nhiều lần tận mắt

thấy được chị L có quan hệ bất chính với người khác chứ anh không chụp hình hay quay phim để làm chứng cứ. Khoảng một tuần sau khi vụ việc bị phát hiện, lúc anh đi làm không có nhà, chị L tự ý dắt con bỏ đi không nói với anh tiếng nào. Hiện tại, anh chỉ biết chị L vẫn còn làm Công ty ở trong Đồng Nai nhưng cụ thể làm ở Công ty nào, chị L đang ở đâu, địa chỉ cụ thể thì anh không biết nên anh không thể cung cấp được địa chỉ cho Toà. Anh đã nhiều lần gọi điện thoại cho L nhưng không liên lạc được. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị L, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Toà giải quyết xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Trần Ngọc Na U – sinh ngày 06/7/2014 hiện đang ở cùng chị L. Ly hôn anh đồng ý giao con chung U cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung U. Nếu chị L không đồng ý thì giao con chung U cho anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh N về tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị và anh N. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh N là do sau khi kết hôn thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm nhạt phai, mỗi khi nhậu về là anh N đánh đập và đuổi chị và con ra khỏi phòng, không chịu đựng nổi nên chị đã dọn ra ở riêng. Anh N đề nghị ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị thống nhất với trình bày của anh N về phần con chung. Hiện nay, cháu Na U đang ở với chị, chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L vắng mặt nên không hòa giải được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là cháu Trần Ngọc Na U cho bị đơn chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh N và bị đơn chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2014 tại Quyết số 01/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp, anh N đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung, giữa anh và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Chị L thống nhất với trình bày của anh N về việc thực tế có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài vì hiện nay giữa chị và anh N đã ly thân, không còn tình cảm, chị L đồng ý ly hôn với anh N nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Về con chung: Anh N và chị L thống nhất có 01 con chung tên Trần Ngọc Na U – sinh ngày 06/7/2014 hiện đang ở cùng chị L; tình cảm mẹ con gắn bó, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, anh N cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu U nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung và anh N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Ngọc N. Nguyên đơn anh N được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Na U – sinh ngày 06/7/2014 cho bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Nguyên đơn anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu U. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh N phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0003410 ngày 26/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Phú Yên. Anh N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND h. C (2);
- THADS h. C (1);
- Nguyên đơn, Bị đơn (2);
- UBND xã T (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Xuân Huy

